

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2016/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 10/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc Quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên”

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo việc hỗ trợ được liên tục; Ủy ban nhân dân tỉnh trình các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trong kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/12/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN
DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ sở công nghiệp: Áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; cơ sở công nghiệp thuộc danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động khuyến công.

Các đối tượng quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này gọi chung là cơ sở công nghiệp.

Điều 3. Danh mục ngành nghề, lĩnh vực được hỗ trợ

1. Công nghiệp chế biến: Nông, lâm, thủy sản; thực phẩm và đồ uống.

2. Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

3. Sản xuất sản phẩm công nghiệp phục vụ tiêu dùng; xuất khẩu; thay thế hàng nhập khẩu.

4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện - điện tử, tin học.

5. Sản xuất vật liệu xây dựng không nung áp dụng công nghệ mới, sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện với môi trường.

6. Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp; hàng thủ công mỹ nghệ; sản phẩm lưu niệm, đặc sản phục vụ du lịch.

7. Các lĩnh vực: Công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp thuộc danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn.

Điều 4. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên

a) Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo quy định của pháp luật.

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Các xã trong Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 16/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó, ưu tiên trước cho các xã đăng ký đạt chuẩn.

2. Ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên

a) Sản xuất sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; các sản phẩm lưu niệm, đặc sản phục vụ du lịch.

b) Các lĩnh vực: Công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp thuộc danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn.

c) Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu trong tỉnh (chiếm trên 50% tổng giá trị nguyên vật liệu); sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ.

d) Sử dụng từ 50 lao động trở lên.

e) Sản xuất sản phẩm mới; sản phẩm công nghiệp phục vụ tiêu dùng; sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu; sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

f) Sản xuất sản phẩm cơ khí; hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

3. Nguyên tắc xét ưu tiên

a) Ưu tiên trong phân bổ kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương: Khi xét giao kế hoạch kinh phí khuyến công hàng năm tùy theo khả năng cân đối ngân sách, cơ quan quản lý chương trình khuyến công sẽ ưu tiên phân bổ kế hoạch kinh phí theo địa bàn trước sau đó xét đến ưu tiên về ngành nghề, lĩnh vực.

- Về địa bàn: Xét ưu tiên lần lượt các địa bàn theo thứ tự từ Điểm a đến Điểm c, Khoản 1 Điều này.

- Về ngành nghề, lĩnh vực: Xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự từ Điểm a đến Điểm f, Khoản 2 Điều này (không bao gồm công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn).

b) Đối với hoạt động sản xuất sạch hơn không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề, lĩnh vực như quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này. Thứ tự ưu tiên xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định.

Điều 5. Nội dung hỗ trợ hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ các tổ chức khuyến công tham gia gian hàng chung của tỉnh trưng bày các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các hội chợ, triển lãm.

2. Hỗ trợ sản xuất thử đối với sản xuất sản phẩm mới trên địa bàn cấp huyện (sản phẩm mới trên địa bàn cấp huyện là sản phẩm chưa có cơ sở công nghiệp nào sản xuất trên địa bàn của huyện, thị xã, thành phố); sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

3. Hỗ trợ cho cơ sở công nghiệp có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm uy tín, sản phẩm đạt giải thưởng cấp quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương công nhận.

Điều 6. Mức hỗ trợ hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ 100% chi phí cho các tổ chức khuyến công tham gia gian hàng chung của tỉnh trưng bày các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các hội chợ,

triển lãm, gồm: Chi phí thuê và trang trí gian hàng; chi phí vận chuyển sản phẩm; chi phí phục vụ, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm...

2. Hỗ trợ chi phí sản xuất thử đối với sản xuất sản phẩm mới trên địa bàn cấp huyện; sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ 20 triệu đồng/cơ sở có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận là sản phẩm uy tín, sản phẩm đạt giải thưởng cấp quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương công nhận.

Điều 7. Quy định áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công và công nghiệp hỗ trợ

Các nội dung chưa được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo các quy định của Trung ương, của Tỉnh về khuyến công, công nghiệp hỗ trợ.

Khi các văn bản được trích dẫn trong Quy định này có thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt